



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu....>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở PHƯỜNG HOÀ BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Đại Nghĩa¹ và Nguyễn Thái Tổ Oanh^{2*}

¹*Khoa Giáo dục chính trị và Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: bichhang2089@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 11/5/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 16/6/2026; Ngày duyệt đăng: 20/6/2026

Tóm tắt

Giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành nhận thức, thái độ, thói quen và hành vi tích cực đối với môi trường sống. Nghiên cứu này đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát kết hợp phỏng vấn; bảng hỏi theo thang đo Likert 5 bậc được triển khai đến 150 cán bộ quản lý và giáo viên. Nội dung khảo sát tập trung vào bốn chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Kết quả cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường nhìn chung đạt mức khá. Các trường đã quan tâm xây dựng kế hoạch, tích hợp nội dung bảo vệ môi trường vào môn học, hoạt động giáo dục, sinh hoạt tập thể và phong trào trường học xanh - sạch - đẹp. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch còn thiếu linh hoạt; hoạt động trải nghiệm chưa thường xuyên; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng chưa đồng bộ; kiểm tra, đánh giá còn thiên về hình thức. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học.

Từ khóa: *Giáo dục bảo vệ môi trường, học sinh tiểu học, hoạt động giáo dục, trường tiểu học.*

Trích dẫn: Trần, Đ. N., & Nguyễn, T. T. O. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(03S), 275-289. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3408.1983>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT STATUS OF MANAGING ENVIRONMENTAL PROTECTION EDUCATION ACTIVITIES FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS IN HOA BINH WARD, HO CHI MINH CITY

Tran Dai Nghia¹ and Nguyen Thai To Oanh^{2*}

¹*Faculty of Political Education and Educational Management, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author, Email: bichhang2089@gmail.com*

Article history

Received: 11/5/2026; Received in revised form: 16/6/2026; Accepted: 20/6/2026

Abstract

Environmental protection education for primary school students plays a vital role in fostering their environmental awareness, attitudes, habits, and responsible behaviors. This study investigates the current status of managing environmental protection education activities in primary schools in Hoa Binh Ward, Ho Chi Minh City. A mixed-methods approach, combining questionnaire surveys and interviews, was employed. A five-point Likert-scale questionnaire was administered among 150 school administrators and teachers. The investigation focused on four core management functions: planning, organizing, implementing, directing, and monitoring and evaluation. The findings indicate that the management of environmental protection education activities was generally implemented at a relatively good level. Schools have developed implementation plans and integrated environmental protection content into school subjects, educational activities, extracurricular activities, and green, clean, and beautiful school campaigns. Nevertheless, several shortcomings remain. These include limited flexibility in planning, the infrequent organization of experiential learning activities, inadequate coordination among schools, families, and local communities, and monitoring and evaluation practices that are still largely formalistic. These findings provide a practical basis for proposing appropriate management measures to enhance the effectiveness of environmental protection education for primary school students.

Keywords: *Educational activities, environmental education, primary schools, primary school students.*

1. Giới thiệu

Bảo vệ môi trường hiện nay không chỉ là yêu cầu của phát triển bền vững mà còn là một nội dung giáo dục quan trọng trong nhà trường phổ thông. Ở cấp tiểu học, giáo dục bảo vệ môi trường có ý nghĩa nền tảng vì đây là giai đoạn học sinh (HS) bắt đầu hình thành nhận thức, thái độ, thói quen và hành vi ứng xử với môi trường tự nhiên, môi trường học đường và cộng đồng. Theo định hướng giáo dục vì sự phát triển bền vững, nhà trường cần giúp người học không chỉ có kiến thức về môi trường mà còn có năng lực hành động, biết tham gia giải quyết các vấn đề môi trường phù hợp với lứa tuổi (UNESCO, 2020). Vì vậy, quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường (GDBVMT) cho HS tiểu học cần được xem là một nhiệm vụ thường xuyên, có kế hoạch, có tổ chức và có kiểm tra, đánh giá nhằm bảo đảm hoạt động giáo dục được triển khai thực chất, đồng bộ và hiệu quả.

Theo đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 xác định bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân; đồng thời nhấn mạnh vai trò của giáo dục, truyền thông trong nâng cao nhận thức, hình thành trách nhiệm xã hội đối với môi trường (Quốc hội, 2020). Bên cạnh đó, Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học thông qua các môn học và hoạt động giáo dục; trong đó, các phẩm chất như trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước và năng lực giải quyết vấn đề có mối liên hệ trực tiếp với giáo dục ý thức bảo vệ môi trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Như vậy, GDBVMT trong trường tiểu học không phải là hoạt động mang tính phong trào đơn lẻ, mà cần được quản lý như một bộ phận của quá trình giáo dục toàn diện HS.

Mặt khác, các công trình gần đây đều thống nhất rằng giáo dục môi trường cần chuyển từ tiếp cận truyền thụ kiến thức sang hình thành năng lực và hành vi bền vững. UNESCO (2020) cho rằng giáo dục vì sự phát triển bền vững phải hướng tới năng lực hành động, thay đổi lối sống và sự tham gia của người học vào các vấn đề môi trường - xã hội. Ở Việt Nam, theo Nguyễn & cs. (2023) khi tổng quan các mô hình và khung đánh giá hiệu quả hoạt động GDBVMT trong nhà trường phổ thông đã nhấn mạnh yêu cầu xây dựng công cụ đánh giá dựa trên mục tiêu, quá trình tổ chức và kết quả thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của người học. Từ góc độ quản lý hoạt động giáo dục, tác giả Nguyễn (2026) cho rằng quản lý giáo dục lối sống xanh cần bao gồm các chức năng cơ bản như xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá và bảo đảm các điều kiện triển khai. Các luận điểm này cho thấy quản lý hoạt động GDBVMT trong trường tiểu học phải được tiếp cận như một quá trình tác động có mục tiêu của chủ thể quản lý đến giáo viên (GV), HS, nội dung, hình thức, phương pháp và điều kiện giáo dục nhằm tạo ra sự chuyển biến bền vững về nhận thức và hành vi môi trường.

Tổng quan các nghiên cứu cho thấy vấn đề giáo dục môi trường đã được quan tâm ở nhiều cấp học và góc độ khác nhau. Nhóm tác giả Dương và Nguyễn (2015) nghiên cứu giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho HS tiểu học thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, qua đó khẳng định vai trò của hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể trong hình thành hành vi môi trường tích cực cho HS. Theo đó, nhóm tác giả Dương và Nguyễn (2015) tiếp cận GDBVMT qua môn Tự nhiên và Xã hội, nhấn mạnh việc sử dụng kỹ thuật dạy học để tích hợp nội dung môi trường vào bài học, góp phần nâng cao nhận thức, kiến thức và hành vi bảo vệ môi trường của HS tiểu học. Tác giả Trần (2015) cho rằng giáo dục môi trường cần được tích hợp thường xuyên vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trong nhà trường, từ đó cho thấy tính liên tục và tính thực hành của giáo dục môi trường. Tác giả Lê (2021) nghiên cứu quản lý hoạt động GDBVMT cho trẻ mẫu giáo và chỉ ra rằng hiệu quả giáo dục phụ thuộc đáng kể vào việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và biện pháp quản lý của nhà trường. Gần đây, nhóm tác giả Võ và Phan (2025) khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh,

qua đó khẳng định vai trò của quản lý trong nâng cao chất lượng triển khai hoạt động giáo dục môi trường. Các công trình trên cung cấp cơ sở quan trọng cho nghiên cứu hiện tại; tuy nhiên, phần lớn mới tập trung vào giáo dục môi trường ở mầm non, hoạt động dạy học tích hợp hoặc hoạt động ngoài giờ lên lớp, trong khi nghiên cứu chuyên sâu về quản lý hoạt động GDBVMT cho HS tiểu học tại một địa bàn cụ thể của Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn hạn chế.

Về thực tiễn, tại các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động GDBVMT đã được triển khai thông qua dạy học tích hợp trong các môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt dưới cờ, phong trào xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp, phân loại rác, tiết kiệm điện, nước và các hoạt động ngoại khóa. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra những vấn đề cần nghiên cứu như: kế hoạch GDBVMT chưa thật sự đồng bộ giữa các trường; nội dung và hình thức tổ chức còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện từng đơn vị; công tác chỉ đạo, phối hợp lực lượng giáo dục chưa thường xuyên; kiểm tra - đánh giá đôi khi còn thiên về hình thức; cơ sở vật chất, tài liệu, kinh phí và sự tham gia của gia đình, cộng đồng còn chưa đồng đều. Những hạn chế này làm giảm hiệu quả hình thành nhận thức, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường cho HS tiểu học.

Như vậy, nghiên cứu “Thực trạng quản lý hoạt động GDBVMT cho HS các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh” là cần thiết. Nghiên cứu tập trung làm rõ thực trạng quản lý trên các phương diện: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá và bảo đảm điều kiện thực hiện hoạt động GDBVMT. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần nhận diện những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân trong công tác quản lý hiện nay, đồng thời tạo cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả GDBVMT cho HS tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả nhằm khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDBVMT cho HS các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá các chức năng quản lý cơ bản trong tổ chức hoạt động GDBVMT, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra - đánh giá. Thiết kế nghiên cứu kết hợp thu thập dữ liệu định lượng thông qua bảng hỏi theo thang đo Likert 5 bậc và dữ liệu định tính thông qua phỏng vấn, nhằm bảo đảm đánh giá thực trạng một cách khách quan, toàn diện. Nội dung khảo sát và phỏng vấn được xây dựng dựa trên khung chức năng quản lý giáo dục và yêu cầu triển khai GDBVMT trong nhà trường tiểu học.

2.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là cán bộ quản lý (CBQL) và GV của các trường tiểu học trên địa bàn phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu khảo sát gồm 150 người, trong đó có CBQL và GV trực tiếp tham gia quản lý, tổ chức hoặc thực hiện hoạt động GDBVMT cho HS tiểu học. Việc lựa chọn mẫu được thực hiện theo phương pháp thuận tiện có chủ đích, ưu tiên những đối tượng có hiểu biết và kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình triển khai hoạt động GDBVMT tại nhà trường.

2.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi theo thang đo Likert 5 bậc, với các mức đánh giá từ 1 đến 5, cụ thể: 1 = Kém, 2 = Yếu, 3 = Trung bình, 4 = Khá, 5 = Tốt. Các nội dung trong bảng hỏi được xây dựng xoay quanh bốn chức năng quản lý cơ bản: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá hoạt động GDBVMT. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn một số CBQL và GV nhằm làm rõ thêm kết quả khảo sát, đặc biệt là những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý hoạt

động GDBVMT trong các trường tiểu học.

2.4. Quy trình thu thập dữ liệu

Việc khảo sát và phỏng vấn được tiến hành tại các trường tiểu học trên địa bàn phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi khảo sát, người nghiên cứu giải thích mục đích nghiên cứu, hướng dẫn cách trả lời bảng hỏi và bảo đảm tính tự nguyện của người tham gia. Các phiếu khảo sát sau khi thu về được kiểm tra, sàng lọc và mã hóa để phục vụ quá trình xử lý dữ liệu. Hoạt động phỏng vấn được thực hiện nhằm bổ sung thông tin định tính, giúp làm rõ hơn các kết quả thu được từ bảng hỏi.

2.5. Xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được tổng hợp và xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả. Các tham số được sử dụng gồm điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng (XH) cho từng nội dung khảo sát. Điểm trung bình được phân loại theo thang đo 5 mức với khoảng cách đều là 0,8, cụ thể: Mức 1 - Kém: $1,00 \leq \text{ĐTB} < 1,80$; Mức 2 - Yếu: $1,80 \leq \text{ĐTB} < 2,60$; Mức 3 - Trung bình: $2,60 \leq \text{ĐTB} < 3,40$; Mức 4 - Khá: $3,40 \leq \text{ĐTB} < 4,20$; Mức 5 - Tốt: $4,20 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$. Kết quả phân tích định lượng được kết hợp với dữ liệu phỏng vấn để nhận diện điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng, làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả GDBVMT cho HS tiểu học.

3. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh các trường tiểu học ở phường Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

3.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 1. Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Nhà trường xây dựng kế hoạch GDBVMT căn cứ vào đặc điểm lứa tuổi, nhu cầu và khả năng nhận thức của HS tiểu học.	3,94	0,58	3	4,02	0,62	1
2	Kế hoạch GDBVMT được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và đối tượng HS.	4,08	0,54	1	3,91	0,65	2
3	Nội dung kế hoạch thể hiện rõ sự tích hợp GDBVMT với các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường.	3,86	0,63	4	3,72	0,71	5
4	Kế hoạch xác định rõ mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động bảo vệ môi trường.	4,01	0,57	2	3,80	0,68	4
5	Việc lập kế hoạch bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm và phù hợp với yêu cầu giáo dục HS tiểu học.	3,82	0,61	5	3,88	0,64	3

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
6	Kế hoạch có tính linh hoạt, tạo điều kiện để GV chủ động tổ chức các hoạt động GDBVMT.	3,55	0,74	8	3,46	0,79	7
7	Kế hoạch thể hiện sự liên kết giữa hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể và các phong trào bảo vệ môi trường.	3,61	0,70	7	3,39	0,82	8
8	Kế hoạch GDBVMT góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của GV, phụ huynh và HS.	3,74	0,66	6	3,58	0,76	6
ĐTB chung		3,83			3,72		

Theo kết quả khảo sát, ĐTB chung của nhóm CBQL đạt 3,83, thuộc mức Khá; nhóm GV đạt 3,72, cũng thuộc mức Khá. Điều này cho thấy công tác lập kế hoạch hoạt động GDBVMT cho HS tiểu học ở phường Hoà Bình đã được các nhà trường quan tâm thực hiện, bước đầu bảo đảm các yêu cầu cơ bản về mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức và sự phù hợp với đối tượng HS tiểu học. Tuy nhiên, mức điểm chưa đạt đến mức Tốt, phản ánh việc lập kế hoạch vẫn còn những hạn chế nhất định, nhất là ở tính linh hoạt và sự liên kết giữa các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Ở nhóm CBQL, tiêu chí được đánh giá cao nhất là: “*Kế hoạch GDBVMT được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và đối tượng HS*”, với ĐTB = 4,08, xếp thứ 1, thuộc mức Khá và tiệm cận mức Tốt. Kết quả này cho thấy CBQL nhận thức khá rõ vai trò của việc xây dựng kế hoạch trên cơ sở điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và đặc điểm HS. Đây là cơ sở quan trọng giúp hoạt động GDBVMT không mang tính hình thức, mà có khả năng triển khai trong thực tiễn quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục.

Tiêu chí xếp thứ 2 trong đánh giá của CBQL là: “*Kế hoạch xác định rõ mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động bảo vệ môi trường*”, với ĐTB = 4,01. Điều này phản ánh trong quá trình lập kế hoạch, các nhà trường đã chú ý đến cấu trúc cơ bản của một kế hoạch giáo dục, bao gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức. Tuy nhiên, điểm số vẫn chưa vượt ngưỡng 4,20 để đạt mức Tốt, cho thấy việc cụ thể hóa mục tiêu thành các hoạt động, chỉ tiêu và yêu cầu thực hiện vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện.

Trong khi đó, ở nhóm GV, tiêu chí được đánh giá cao nhất là: “*Nhà trường xây dựng kế hoạch GDBVMT căn cứ vào đặc điểm lứa tuổi, nhu cầu và khả năng nhận thức của HS tiểu học*”, với ĐTB = 4,02, xếp thứ 1. Kết quả này cho thấy GV đánh giá tương đối tích cực về sự phù hợp của kế hoạch với đặc điểm tâm lý, nhận thức và nhu cầu học tập của HS tiểu học. Đây là điểm đáng ghi nhận, bởi GDBVMT ở cấp tiểu học chỉ đạt hiệu quả khi nội dung và hình thức tổ chức gần gũi, dễ hiểu, phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS.

Đối sánh giữa hai nhóm khách thể khảo sát cho thấy có sự khác biệt nhất định trong thứ hạng đánh giá. CBQL đánh giá cao nhất tiêu chí về sự phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và đối tượng HS, trong khi GV lại đánh giá cao nhất tiêu chí về sự phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, nhu cầu và khả năng nhận thức của HS. Sự khác biệt này là hợp lý,

bởi CBQL thường nhìn nhận kế hoạch ở bình diện tổng thể, chú trọng tính khả thi trong quản lý, điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và bối cảnh địa phương. Trong khi đó, GV là người trực tiếp tổ chức hoạt động nên quan tâm nhiều hơn đến mức độ phù hợp của kế hoạch với HS trong quá trình dạy học và giáo dục hằng ngày.

Các tiêu chí có ĐTB thấp hơn tập trung ở nội dung về tính linh hoạt và sự liên kết giữa các hoạt động. Đối với nhóm CBQL, tiêu chí có ĐTB thấp nhất là: “*Kế hoạch có tính linh hoạt, tạo điều kiện để GV chủ động tổ chức các hoạt động GDBVMT*”, với ĐTB = 3,55, xếp thứ 8. Đối với nhóm GV, tiêu chí thấp nhất là: “*Kế hoạch thể hiện sự liên kết giữa hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể và các phong trào bảo vệ môi trường*”, với ĐTB = 3,39, xếp thứ 8, thuộc mức Trung bình theo thang đo. Kết quả này cho thấy mặc dù kế hoạch đã được xây dựng, song vẫn còn tình trạng kế hoạch mang tính định hướng chung, chưa thật sự linh hoạt để GV chủ động điều chỉnh theo điều kiện lớp học, thời điểm giáo dục và đặc điểm HS. Đồng thời, việc kết nối giữa dạy học trên lớp, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt Đội, phong trào trường học xanh - sạch - đẹp và các hoạt động cộng đồng chưa thật sự chặt chẽ.

Về ĐLC, kết quả khảo sát cho thấy ĐLC của nhóm CBQL dao động từ 0,54 đến 0,74, còn nhóm GV dao động từ 0,62 đến 0,82. Nhìn chung, ĐLC ở mức không quá cao, cho thấy ý kiến đánh giá của các đối tượng khảo sát có sự tập trung tương đối. Tuy nhiên, nhóm GV có ĐLC cao hơn nhóm CBQL ở hầu hết các tiêu chí, đặc biệt là tiêu chí về sự liên kết giữa các hoạt động giáo dục với ĐLC = 0,82. Điều này phản ánh nhận thức và trải nghiệm thực tế của GV về công tác lập kế hoạch chưa thật sự đồng đều giữa các trường, các khối lớp hoặc giữa các GV phụ trách những hoạt động khác nhau. Một số GV đã được tham gia xây dựng và triển khai kế hoạch khá chủ động, trong khi một số khác chủ yếu tiếp nhận kế hoạch theo hướng phân công thực hiện.

Kết quả phỏng vấn cũng góp phần làm rõ hơn thực trạng trên. CBQL01 cho rằng: “*Nhà trường có xây dựng kế hoạch GDBVMT ngay từ đầu năm học và lồng ghép vào kế hoạch giáo dục chung. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa thành từng hoạt động theo tháng, theo chủ điểm và theo điều kiện từng lớp đôi khi còn chưa thật sự chi tiết*”. CBQL02 nhận định: “*GDBVMT thường được tích hợp trong môn học, hoạt động trải nghiệm và các phong trào của nhà trường. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục, nhất là giữa GV chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội và phụ huynh HS có lúc chưa thường xuyên*.”.

Từ các kết quả trên kết luận rằng, công tác lập kế hoạch hoạt động GDBVMT cho HS các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt mức Khá. Các nhà trường đã chú ý xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm HS và yêu cầu giáo dục tiểu học. Tuy nhiên, hạn chế nổi bật là kế hoạch chưa thật sự linh hoạt, chưa tạo nhiều không gian cho GV chủ động thiết kế hoạt động; sự liên kết giữa dạy học, trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, phong trào bảo vệ môi trường và sự tham gia của phụ huynh, cộng đồng còn chưa đồng bộ.

3.2. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Nhà trường tổ chức các hoạt động GDBVMT với hình thức đa dạng, phù hợp với HS tiểu học.	3,73	0,61	3	3,58	0,68	4

2	Hoạt động GDBVMT được tích hợp trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt tập thể.	3,89	0,57	1	3,62	0,64	3
3	Việc tổ chức hoạt động GDBVMT phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, nhận thức và khả năng tham gia của HS tiểu học.	3,68	0,65	4	3,71	0,60	1
4	Nội dung GDBVMT được triển khai thông qua các tình huống thực tiễn gần gũi với đời sống HS.	3,54	0,69	6	3,45	0,72	6
5	GV triển khai đầy đủ các nội dung GDBVMT đã được xây dựng trong kế hoạch giáo dục của nhà trường.	3,82	0,59	2	3,56	0,66	5
6	Nhà trường tạo điều kiện để HS được tham gia các hoạt động trải nghiệm, thực hành về bảo vệ môi trường.	3,61	0,72	5	3,67	0,71	2
7	Các hoạt động GDBVMT góp phần hình thành ý thức, thái độ và hành vi tích cực cho HS.	3,47	0,74	7	3,39	0,76	7
8	Hoạt động GDBVMT tạo cơ hội cho HS rèn luyện nhân cách thông qua những việc làm nhỏ, thiết thực hằng ngày.	3,42	0,78	8	3,31	0,79	8
ĐTB chung		3,65			3,54		

Từ kết quả ở Bảng 2 cho thấy, thực trạng tổ chức hoạt động GDBVMT cho HS các trường tiểu học ở phường Hoà Bình được cả CBQL và GV đánh giá ở mức Khá. ĐTB chung của nhóm CBQL đạt 3,65, của nhóm GV đạt 3,54. Kết quả này phản ánh các nhà trường đã quan tâm triển khai hoạt động GDBVMT, tuy nhiên mức độ thực hiện chưa thật sự đồng đều giữa các nội dung, đặc biệt là ở những hoạt động đòi hỏi sự trải nghiệm thường xuyên, sự chuyển hóa thành hành vi và thói quen bền vững của HS.

Ở nhóm CBQL, tiêu chí được đánh giá cao nhất là: “*Hoạt động GDBVMT được tích hợp trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt tập thể*”, với ĐTB đạt 3,89, xếp thứ hạng 1. Điều này cho thấy CBQL nhìn nhận việc tích hợp GDBVMT vào chương trình giáo dục của nhà trường đã được triển khai tương đối rõ nét. Các nội dung như giữ gìn vệ sinh lớp học, tiết kiệm điện nước, phân loại rác, chăm sóc cây xanh, bảo vệ cảnh quan trường học đã được lồng ghép trong một số môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp. Tuy nhiên, mức điểm này vẫn nằm trong khoảng Khá, chưa đạt mức Tốt, chứng tỏ việc tích hợp tuy đã có nhưng chưa thật sự sâu, chưa thường xuyên ở tất cả các khối lớp và chưa tạo thành một hệ thống hoạt động liên tục.

Tiêu chí xếp thứ hai theo đánh giá của CBQL là: “*GV triển khai đầy đủ các nội dung GDBVMT đã được xây dựng trong kế hoạch giáo dục của nhà trường*”, với ĐTB 3,82. Kết quả này phản ánh vai trò quan trọng của GV trong quá trình hiện thực hóa kế hoạch GDBVMT. Phần lớn GV đã có ý thức thực hiện các nội dung được phân công, biết lựa chọn nội dung phù hợp để đưa vào bài học hoặc các hoạt động giáo dục. Tuy vậy, trong thực tế, mức độ triển khai giữa các GV còn có sự khác nhau, phụ thuộc vào năng lực tổ chức hoạt động, sự chủ động sáng tạo và điều kiện thực tế của từng lớp.

Trong khi đó, ở nhóm GV, tiêu chí được đánh giá cao nhất là: *“Việc tổ chức hoạt động GDBVMT phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, nhận thức và khả năng tham gia của HS tiểu học”*, với ĐTB 3,71, xếp thứ hạng 1. Kết quả này cho thấy GV đánh giá cao tính phù hợp của các hoạt động GDBVMT đối với HS tiểu học. Đây là lứa tuổi dễ tiếp nhận những nội dung giáo dục thông qua quan sát, trải nghiệm, làm theo mẫu và thực hành các việc làm cụ thể. Các hoạt động như bỏ rác đúng nơi quy định, giữ vệ sinh cá nhân, chăm sóc cây, nhặt rác sân trường, tiết kiệm nước khi rửa tay... phù hợp với khả năng nhận thức và hành động của HS.

Đáng chú ý, tiêu chí *“Nhà trường tạo điều kiện để HS được tham gia các hoạt động trải nghiệm, thực hành về bảo vệ môi trường”* được GV đánh giá xếp thứ 2, với ĐTB 3,67, trong khi CBQL xếp tiêu chí này ở vị trí thứ 5, với ĐTB 3,61. Sự khác biệt này cho thấy GV, với tư cách là người trực tiếp tổ chức hoạt động cho HS, cảm nhận rõ hơn những cơ hội trải nghiệm mà HS được tham gia trong phạm vi lớp học và nhà trường. Ngược lại, CBQL có xu hướng nhìn nhận hoạt động này ở bình diện tổng thể, gắn với yêu cầu kế hoạch hóa, nguồn lực tổ chức, cơ sở vật chất và tính thường xuyên của các hoạt động. Điều này cho thấy việc tổ chức hoạt động trải nghiệm về bảo vệ môi trường đã được thực hiện nhưng vẫn cần được quản lý chặt chẽ hơn để bảo đảm tính hệ thống và hiệu quả lâu dài.

Tiêu chí có ĐTB thấp nhất ở cả hai nhóm là: *“Hoạt động GDBVMT tạo cơ hội cho HS rèn luyện nhân cách thông qua những việc làm nhỏ, thiết thực hằng ngày”*. CBQL đánh giá tiêu chí này đạt 3,42, xếp thứ 8; GV đánh giá đạt 3,31, cũng xếp thứ 8. Đặc biệt, ĐTB của GV ở tiêu chí này nằm trong khoảng Trung bình theo thang đo, trong khi CBQL đánh giá ở mức Khá nhưng sát ngưỡng thấp. Kết quả này cho thấy hạn chế đáng quan tâm: hoạt động GDBVMT tuy đã được tổ chức, song việc chuyển hóa thành thói quen, hành vi và phẩm chất nhân cách của HS còn chưa thật sự rõ nét. Nói cách khác, HS tham gia một số hoạt động theo phong trào hoặc theo yêu cầu của GV, nhưng chưa phải em nào cũng hình thành được ý thức tự giác trong những việc làm thường ngày như giữ gìn vệ sinh chung, tiết kiệm tài nguyên, hạn chế rác thải nhựa, chăm sóc không gian lớp học và nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện.

Tiêu chí có điểm thấp tiếp theo là: *“Các hoạt động GDBVMT góp phần hình thành ý thức, thái độ và hành vi tích cực cho HS”*, với ĐTB của CBQL là 3,47, của GV là 3,39. Đây là nội dung có ý nghĩa cốt lõi của GDBVMT, bởi mục tiêu cuối cùng không chỉ là cung cấp kiến thức mà còn phải hình thành thái độ và hành vi đúng đắn cho HS. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy hiệu quả tác động đến hành vi của HS còn ở mức chưa cao. Điều này xuất phát từ việc hoạt động GDBVMT còn thiên về tuyên truyền, nhắc nhở, lồng ghép nội dung trong giờ học, trong khi các hoạt động thực hành, trải nghiệm, dự án nhỏ hoặc hoạt động thường xuyên theo nề nếp lớp học chưa được tổ chức đủ sâu.

So sánh giữa hai nhóm khách thể khảo sát cho thấy, CBQL có xu hướng đánh giá cao hơn GV ở hầu hết các tiêu chí. ĐTB chung của CBQL là 3,65, cao hơn GV 0,11 điểm. Sự chênh lệch này không quá lớn nhưng phản ánh khác biệt trong góc nhìn đánh giá. CBQL thường tiếp cận hoạt động GDBVMT từ góc độ kế hoạch, văn bản chỉ đạo, chương trình nhà trường và kết quả triển khai chung. Trong khi đó, GV là người trực tiếp tổ chức hoạt động, tiếp xúc với HS hằng ngày nên có điều kiện nhận diện rõ hơn những khó khăn trong quá trình thực hiện, nhất là ở khâu duy trì thói quen, kiểm soát hành vi và tạo động cơ tự giác cho HS.

Về ĐLC, kết quả khảo sát cho thấy ĐLC của các tiêu chí ở nhóm CBQL dao động từ 0,57 đến 0,78, còn ở nhóm GV dao động từ 0,60 đến 0,79. Nhìn chung, ĐLC ở mức không quá cao, chứng tỏ ý kiến đánh giá của các khách thể khảo sát tương đối tập trung. Tuy nhiên, một số tiêu chí có ĐLC cao hơn, chẳng hạn tiêu chí 8 với ĐLC của CBQL là 0,78, của GV là 0,79; tiêu chí 7 với ĐLC của GV là 0,76. Điều này cho thấy vẫn tồn tại sự phân tán nhất định trong nhận định của người được khảo sát về hiệu quả hình thành hành vi và rèn luyện nhân cách cho HS thông qua hoạt động GDBVMT. Sự phân tán này do điều kiện tổ chức hoạt động

giữa các trường, các lớp chưa đồng đều; nhận thức, kinh nghiệm và mức độ chủ động của GV trong triển khai hoạt động cũng khác nhau.

Kết quả phỏng vấn sâu góp phần làm rõ hơn kết quả định lượng. CBQL03 cho biết: “Nhà trường đã đưa nội dung GDBVMT vào kế hoạch giáo dục năm học, chỉ đạo GV lồng ghép trong các môn học, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, việc tổ chức đôi khi còn phụ thuộc vào thời gian, điều kiện cơ sở vật chất và sự chủ động của từng GV”. CBQL04 cũng nhận định: “HS tiểu học rất hứng thú với các hoạt động như chăm sóc cây xanh, vệ sinh lớp học, nhặt rác sân trường, nhưng để các em duy trì thành thói quen hằng ngày thì cần có sự phối hợp thường xuyên giữa nhà trường, GV chủ nhiệm và phụ huynh.”

Từ các kết quả trên cho thấy, công tác tổ chức hoạt động GDBVMT cho HS các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã được quan tâm triển khai và đạt mức Khá. Các nhà trường đã bước đầu thực hiện việc tích hợp nội dung GDBVMT trong môn học, hoạt động giáo dục, sinh hoạt tập thể và một số hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, việc tổ chức còn chưa thật sự đồng bộ, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ ở phương diện hành vi tự giác và thói quen bền vững của HS.

3.3. Thực trạng công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Thực trạng công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Nhà trường chỉ đạo xây dựng kế hoạch GDBVMT cho HS một cách cụ thể, thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tiễn.	4,18	0,54	1	3,86	0,63	2
2	Ban giám hiệu chỉ đạo GV tích hợp nội dung GDBVMT vào các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm HS tiểu học.	4,05	0,58	3	3,91	0,61	1
3	Công tác chỉ đạo bảo đảm các hoạt động GDBVMT được triển khai đồng bộ, có định hướng và có sự giám sát trong quá trình thực hiện.	3,96	0,62	5	3,72	0,69	4
4	Nhà trường chỉ đạo tổ chức các hoạt động GDBVMT theo hướng vừa sức, thiết thực, gần gũi với đời sống HS.	4,10	0,57	2	3,83	0,65	3
5	Ban giám hiệu tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, phương tiện và môi trường sư phạm để GV tổ chức hoạt động GDBVMT.	3,82	0,68	7	3,51	0,76	7
6	Nhà trường chỉ đạo sự phối hợp giữa GV, phụ huynh HS và các lực lượng xã hội trong giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS.	3,74	0,71	8	3,46	0,78	8

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
7	Ban giám hiệu tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên đề, dự giờ, góp ý và hỗ trợ GV trong quá trình thực hiện GDBVMT.	3,88	0,66	6	3,63	0,73	5
8	Công tác chỉ đạo hoạt động GDBVMT được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường của HS.	4,02	0,60	4	3,58	0,75	6
ĐTB chung		3,97			3,69		

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, công tác chỉ đạo hoạt động GDBVMT cho HS tiểu học ở phường Hoà Bình được cả hai nhóm khách thể đánh giá ở mức khá. ĐTB chung của nhóm CBQL đạt 3,97, cao hơn so với nhóm GV là 3,69. Điều này cho thấy CBQL có xu hướng đánh giá tích cực hơn về hiệu quả chỉ đạo của nhà trường, trong khi GV - với vai trò là lực lượng trực tiếp tổ chức hoạt động giáo dục - có sự đánh giá thận trọng hơn.

Ở nhóm CBQL, tiêu chí được đánh giá cao nhất là: “*Nhà trường chỉ đạo xây dựng kế hoạch GDBVMT cho HS một cách cụ thể, thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tiễn*”, với ĐTB = 4,18, xếp thứ 1. Kết quả này tiêm cận mức tốt, phản ánh các nhà trường đã quan tâm đến việc cụ thể hóa nội dung GDBVMT trong kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Tiêu chí xếp thứ 2 là: “*Nhà trường chỉ đạo tổ chức các hoạt động GDBVMT theo hướng vừa sức, thiết thực, gần gũi với đời sống HS*”, với ĐTB = 4,10. Điều này cho thấy hoạt động GDBVMT bước đầu được chỉ đạo theo hướng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý HS tiểu học, gần với những hành vi cụ thể như giữ gìn vệ sinh lớp học, phân loại rác, chăm sóc cây xanh, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện.

Đối với nhóm GV, tiêu chí được đánh giá cao nhất là: “*Ban giám hiệu chỉ đạo GV tích hợp nội dung GDBVMT vào các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm HS tiểu học*”, với ĐTB = 3,91, xếp thứ 1. Kết quả này cho thấy GV nhận thức khá rõ yêu cầu tích hợp GDBVMT vào các môn học như Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Mĩ thuật, Tiếng Việt và các hoạt động sinh hoạt lớp. Tuy nhiên, ĐTB chưa đạt mức tốt, chứng tỏ việc tích hợp vẫn còn phụ thuộc vào năng lực, kinh nghiệm và mức độ chủ động của từng GV.

Tiêu chí có ĐTB thấp nhất ở cả hai nhóm là: “*Nhà trường chỉ đạo sự phối hợp giữa GV, phụ huynh HS và các lực lượng xã hội trong giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS*”. Cụ thể, nhóm CBQL đánh giá ĐTB = 3,74, xếp thứ 8; nhóm GV đánh giá ĐTB = 3,46, cũng xếp thứ 8. Mặc dù vẫn nằm trong mức khá, nhưng đây là tiêu chí có kết quả thấp nhất, phản ánh sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong GDBVMT chưa thật sự thường xuyên, đồng bộ và có chiều sâu. Một số hoạt động còn chủ yếu diễn ra trong phạm vi nhà trường, chưa mở rộng mạnh mẽ thành các hoạt động phối hợp với phụ huynh, đoàn thể địa phương hoặc các tổ chức xã hội.

Khi đối sánh giữa hai nhóm khách thể, cho thấy CBQL đánh giá cao hơn GV ở tất cả các tiêu chí. Chênh lệch rõ nhất thể hiện ở tiêu chí số 8: “*Công tác chỉ đạo hoạt động GDBVMT được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường của HS*”, với ĐTB của CBQL là 4,02, trong khi ĐTB của GV là 3,58. Sự chênh lệch này cho thấy CBQL nhìn nhận công tác chỉ đạo ở bình diện kế hoạch, tổ chức và định hướng chung; còn GV đánh giá dựa trên mức độ tác động thực tế đến HS trong quá trình triển khai. Điều đó

phản ánh khoảng cách nhất định giữa yêu cầu chỉ đạo và hiệu quả thực hiện ở lớp học.

Về ĐLC, kết quả khảo sát cho thấy ĐLC của nhóm CBQL dao động từ 0,54 đến 0,71, trong khi nhóm GV dao động từ 0,61 đến 0,78. Như vậy, mức độ phân tán trong đánh giá của GV cao hơn so với CBQL. Điều này là phù hợp với thực tế, bởi GV trực tiếp triển khai hoạt động ở các lớp, khối lớp khác nhau nên trải nghiệm thực tiễn không đồng đều. Những tiêu chí có ĐLC cao như tiêu chí số 5 và số 6 cho thấy vẫn còn sự khác biệt trong điều kiện tổ chức hoạt động, cơ sở vật chất, sự hỗ trợ của phụ huynh và mức độ phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng góp phần làm rõ thêm thực trạng trên. CBQL05 cho biết: *“Nhà trường đã đưa nội dung GDBVMT vào kế hoạch năm học và chỉ đạo GV tích hợp trong các môn học, hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, việc tổ chức hoạt động chuyên đề riêng về bảo vệ môi trường chưa nhiều, chủ yếu lồng ghép trong các hoạt động giáo dục chung”*. CBQL 06 chia sẻ: *“Khó khăn lớn nhất là sự phối hợp với phụ huynh và các lực lượng ngoài nhà trường chưa thật sự đều. Một số hoạt động như thu gom rác, chăm sóc cây xanh, xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp có triển khai, nhưng chưa duy trì thành nề nếp thường xuyên ở tất cả các lớp.”*

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy, công tác chỉ đạo hoạt động GDBVMT cho HS các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã được triển khai tương đối nghiêm túc, có kế hoạch và bước đầu tạo được sự chuyển biến trong nhận thức, thái độ, hành vi của HS. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế: việc chỉ đạo phối hợp các lực lượng giáo dục chưa thật sự chặt chẽ; hoạt động tập huấn, hỗ trợ GV chưa thường xuyên; điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất và phương tiện tổ chức hoạt động chưa đồng đều giữa các trường, các lớp.

3.4. Thực trạng công tác kiểm tra - đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 4. Thực trạng công tác kiểm tra - đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá					
		CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Công tác kiểm tra, đánh giá chú trọng đến mức độ nhận thức của HS về các vấn đề môi trường.	3,55	0,62	5	3,48	0,70	4
2	Việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GDBVMT được thực hiện thường xuyên và bằng nhiều hình thức khác nhau.	3,46	0,68	7	3,31	0,76	8
3	Kết quả kiểm tra, đánh giá được sử dụng để kịp thời ghi nhận nỗ lực của GV và HS.	3,62	0,59	3	3,55	0,67	2
4	Hoạt động kiểm tra, đánh giá góp phần hỗ trợ chuyên môn phù hợp cho GV trong quá trình tổ chức GDBVMT.	3,50	0,65	6	3,36	0,73	7
5	Công tác kiểm tra, đánh giá mang tính xây dựng, khuyến khích GV đổi mới và	3,68	0,56	2	3,52	0,69	3

	sáng tạo trong tổ chức hoạt động giáo dục.						
6	Kết quả kiểm tra, đánh giá giúp nhà trường điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động GDBVMT.	3,77	0,54	1	3,64	0,62	1
7	Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất với tinh thần hỗ trợ, khích lệ, không gây áp lực hình thức.	3,42	0,71	8	3,39	0,78	6
8	Công tác kiểm tra, đánh giá hướng tới tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm, giúp GV nâng cao năng lực GDBVMT cho HS.	3,58	0,60	4	3,43	0,71	5
ĐTB chung		3,57			3,46		

Kết quả Bảng 4 cho thấy, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDBVMT cho HS tiểu học ở phường Hoà Bình được cả hai nhóm khách thể đánh giá ở mức Khá. ĐTB chung của nhóm CBQL đạt 3,57, cao hơn nhóm GV với ĐTB chung 3,46. Điều này cho thấy đội ngũ CBQL có xu hướng đánh giá tích cực hơn về hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá so với GV trực tiếp thực hiện hoạt động GDBVMT.

Ở nhóm CBQL, tiêu chí được đánh giá cao nhất là: “*Kết quả kiểm tra, đánh giá giúp nhà trường điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động GDBVMT*” với ĐTB = 3,77, xếp thứ 1. Đây cũng là tiêu chí được GV đánh giá cao nhất với ĐTB = 3,64, xếp thứ 1. Kết quả này phản ánh công tác kiểm tra, đánh giá đã bước đầu phát huy vai trò trong việc cung cấp thông tin phản hồi cho nhà trường, giúp CBQL điều chỉnh kế hoạch, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động GDBVMT cho phù hợp hơn với thực tiễn.

Tiêu chí “*Công tác kiểm tra, đánh giá mang tính xây dựng, khuyến khích GV đổi mới và sáng tạo trong tổ chức hoạt động giáo dục*” được CBQL đánh giá ở vị trí thứ 2 với ĐTB = 3,68, trong khi GV xếp tiêu chí này ở vị trí thứ 3 với ĐTB = 3,52. Kết quả này cho thấy hoạt động kiểm tra, đánh giá không chỉ dừng lại ở việc xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ, mà còn hướng đến động viên, khuyến khích GV chủ động đổi mới hình thức tổ chức hoạt động GDBVMT. Tuy nhiên, điểm đánh giá của GV thấp hơn CBQL cho thấy trong thực tế, một bộ phận GV vẫn chưa cảm nhận rõ nét tính khích lệ, hỗ trợ từ hoạt động kiểm tra.

Tiêu chí “*Kết quả kiểm tra, đánh giá được sử dụng để kịp thời ghi nhận nỗ lực của GV và HS*” cũng được đánh giá tương đối tích cực. CBQL đánh giá ĐTB = 3,62, xếp thứ 3; GV đánh giá ĐTB = 3,55, xếp thứ 2. Điều này cho thấy các trường đã quan tâm sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để động viên GV và HS trong quá trình thực hiện các hoạt động GDBVMT. Đây là điểm tích cực, bởi nếu kết quả kiểm tra chỉ dùng để xếp loại hoặc nhắc nhở thì dễ tạo tâm lý áp lực; ngược lại, nếu được sử dụng để ghi nhận sự cố gắng, hoạt động kiểm tra sẽ có tác dụng thúc đẩy sự tham gia tích cực của GV và HS.

Tuy nhiên, một số tiêu chí vẫn có ĐTB chưa cao. Ở nhóm CBQL, tiêu chí có ĐTB thấp nhất là “*Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất với tinh thần hỗ trợ, khích lệ, không gây áp lực hình thức*”, ĐTB = 3,42, xếp thứ 8. Ở nhóm GV, tiêu chí thấp nhất là “*Việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GDBVMT được thực hiện thường xuyên và bằng nhiều hình thức khác nhau*”, ĐTB = 3,31, xếp thứ 8, thuộc mức Trung bình. Điều này cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá tuy đã được triển khai nhưng tính thường xuyên, đa dạng về hình thức

và tinh thần hỗ trợ trong quá trình kiểm tra vẫn còn hạn chế. Một số hoạt động kiểm tra vẫn thiên về hồ sơ, kế hoạch hoặc minh chứng, chưa thật sự chú trọng nhiều đến quan sát quá trình tổ chức hoạt động GDBVMT trong thực tiễn lớp học và hoạt động trải nghiệm của HS.

Đáng chú ý, tiêu chí *“Hoạt động kiểm tra, đánh giá góp phần hỗ trợ chuyên môn phù hợp cho GV trong quá trình tổ chức GDBVMT”* được CBQL đánh giá ĐTB = 3,50, ở mức Khá, nhưng GV chỉ đánh giá ĐTB = 3,36, thuộc mức Trung bình. Sự khác biệt này cho thấy giữa nhận thức quản lý và cảm nhận thực tế của GV còn có độ chênh nhất định. CBQL cho rằng sau kiểm tra đã có góp ý, trao đổi, rút kinh nghiệm; tuy nhiên, GV lại chưa nhận được sự hỗ trợ đủ cụ thể, thường xuyên hoặc sát với khó khăn thực tế khi tổ chức hoạt động GDBVMT cho HS.

Về ĐLC, kết quả khảo sát cho thấy ĐLC của nhóm CBQL dao động từ 0,54 đến 0,71, trong khi ĐLC của nhóm GV dao động từ 0,62 đến 0,78. Nhìn chung, ĐLC ở mức không quá cao, cho thấy ý kiến đánh giá của các khách thể khảo sát tương đối tập trung. Tuy nhiên, ĐLC của nhóm GV thường cao hơn nhóm CBQL, phản ánh sự khác biệt trong trải nghiệm thực tế giữa các GV, các khối lớp hoặc các trường. Điều này xuất phát từ việc mức độ triển khai kiểm tra, đánh giá hoạt động GDBVMT chưa thật đồng đều; có nơi thực hiện khá thường xuyên, có nơi còn lỏng lẻo ghép chung trong kiểm tra chuyên môn nên hiệu quả hỗ trợ GV chưa rõ nét.

Kết quả phỏng vấn cũng làm rõ thêm nhận định trên. CBQL07 cho rằng: *“Nhà trường đã đưa nội dung GDBVMT vào kế hoạch kiểm tra chuyên môn, tuy nhiên việc kiểm tra chuyên sâu riêng về nội dung này chưa được thực hiện thường xuyên, chủ yếu vẫn lồng ghép trong kiểm tra hoạt động giáo dục chung”*. CBQL08 chia sẻ: *“Sau kiểm tra, CBQL thường góp ý để GV điều chỉnh cách tổ chức hoạt động, nhưng việc tư vấn chuyên môn còn phụ thuộc vào thời gian và kinh nghiệm của từng người kiểm tra. Một số GV còn tâm lý ngại kiểm tra nên chưa mạnh dạn chia sẻ khó khăn”*. Nhận định này cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá cần tiếp tục chuyển mạnh từ hướng kiểm tra hành chính sang hướng tư vấn, hỗ trợ, đồng hành cùng GV.

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy: công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDBVMT cho HS ở các trường tiểu học phường Hoà Bình đã được triển khai và đạt mức Khá, bước đầu góp phần điều chỉnh kế hoạch giáo dục, ghi nhận nỗ lực của GV, HS và khuyến khích GV đổi mới trong tổ chức hoạt động. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn còn một số hạn chế, nhất là tính thường xuyên, sự đa dạng về hình thức kiểm tra, mức độ hỗ trợ chuyên môn sau kiểm tra và tinh thần kiểm tra theo hướng tư vấn, chia sẻ.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác quản lý hoạt động GDBVMT cho HS các trường tiểu học ở phường Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã được quan tâm triển khai trên các phương diện: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá. Các nội dung quản lý nhìn chung được cán bộ quản lý và GV đánh giá ở mức Khá, cho thấy hoạt động GDBVMT đã bước đầu được tích hợp vào môn học, hoạt động giáo dục, sinh hoạt tập thể và các phong trào xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp. Đặc biệt, các nhà trường đã chú ý xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn, chỉ đạo GV lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường và sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh kế hoạch, phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục.

Tuy nhiên, thực trạng cũng cho thấy một số hạn chế cần được khắc phục. Việc lập kế hoạch ở một số trường chưa thật sự linh hoạt; sự liên kết giữa dạy học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể và phong trào bảo vệ môi trường còn chưa đồng bộ. Công tác tổ chức hoạt động chưa tạo được sự chuyên biến rõ nét trong việc hình thành thói quen, hành vi tự giác bảo vệ môi trường của HS. Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng còn chưa thường xuyên; hoạt động kiểm tra - đánh giá đôi khi còn thiên về hình

thức, chưa chú trọng nhiều đến tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho GV.

Từ những kết quả trên ta khẳng định, quản lý hoạt động GDBVMT cho HS tiểu học ở phường Hoà Bình đã có nền tảng tích cực nhưng chưa thật sự đạt mức bền vững và đồng đều giữa các trường. Vì vậy, trong thời gian tới, các trường tiểu học cần tiếp tục hoàn thiện kế hoạch GDBVMT theo hướng cụ thể, linh hoạt; tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực hành; bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động cho GV; đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng; đồng thời đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng hỗ trợ, tư vấn và thúc đẩy sự thay đổi hành vi của HS. Đây là cơ sở quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả GDBVMT, hình thành cho HS tiểu học ý thức, trách nhiệm và hành vi tích cực đối với môi trường sống.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-32-2018-TT-BGDDT-Chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-403454.aspx>
- Dương, H. C., & Nguyễn, T. Y. O. (2015). Giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13, 14-18. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2015.197>
- Dương, H. C., & Nguyễn, V. H. (2015). Giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trong môn Tự nhiên và Xã hội thông qua sử dụng các kỹ thuật dạy học. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 17, 7-10. <https://doi.org/10.52714/dthu.17.12.2015.285>
- Lê, T. K. A. (2021). Quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo ở Trường Thực hành Sư phạm Mầm non Hoa Hồng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 10(6), 77-84. <https://doi.org/10.52714/dthu.10.6.2021.913>
- Nguyễn, D. Q., Nguyễn, X. A., & Vũ, T. P. T. (2023). Những nghiên cứu về mô hình, khung đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 23(16), 34-39. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/848>
- Nguyễn, N. K. (2026). *Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục lối sống xanh cho sinh viên các trường cao đẳng nghề tại Thành phố Hồ Chí Minh*. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 94-106. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1771>
- Quốc hội. (2020). *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14*. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=202613&pageid=27160>
- Trần, H. U. (2015). Giáo dục môi trường cho trẻ thông qua các hoạt động ở trường mầm non. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 16, 61-65. <https://doi.org/10.52714/dthu.16.10.2015.270>
- UNESCO. (2020). *Education for sustainable development: A roadmap*. UNESCO. <https://doi.org/10.54675/YFRE1448>
- Võ, T. K. K., & Phan, N. T. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(07S), 115-127. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1706>